|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ 17**  **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**  **Môn: Địa lí**  **Thời gian làm bài: 50 phút**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề: Nguyễn Thị Thanh**

**Đơn vị công tác: THPT Thuận Thành số 2**

**\* Giáo viên thẩm định: Lê Thị Hiền**

**Đơn vị công tác: THPT Yên Phong số 2**

**Câu 41:** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG SẮN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ THÁI LAN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| In-đô-nê-xi-a | 22906,1 | 19045,6 | 17486,9 | 17716,0 |
| Thái Lan | 32357,7 | 30935,5 | 28999,1 | 30863,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Căn cứ bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng sắn năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Thái Lan?

**A.** Thái Lan giảm nhanh hơn In-đô-nê-xi-a.

**B.** In-đô-nê-xi-a giảm nhanh hơn Thái Lan.

**C.** Thái Lan giảm nhiều hơn In-đô-nê-xi-a.

**D.** In-đô-nê-xi-a giảm, Thái Lan tăng.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết gió mùa hạ hoạt động ở nước ta phổ biến theo hướng nào sau đây?

**A.** Đông nam. **B.** Tây nam. **C.** Tây bắc.  **D.** Đông bắc.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết khí đốt làm nhiên liệu cho Nhà máy điện Cà Mau được lấy ở mỏ nào sau đây?

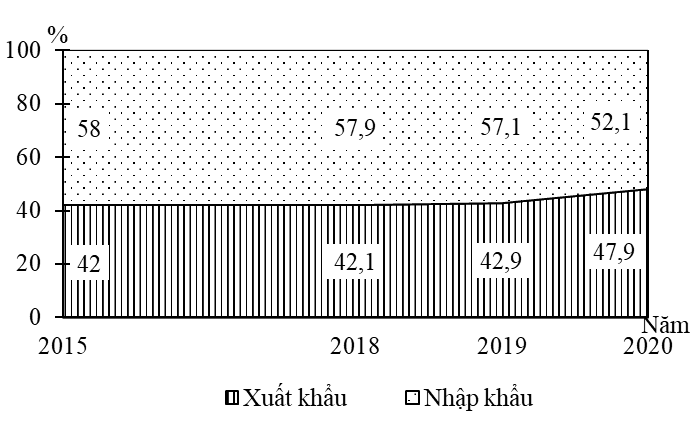
**A.** Bạch Hổ. **B.** Rồng. **C.** Cái Nước. **D.** Rạng Đông.

**Câu 44:** Ngành nào sau đây là công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

**A.** Năng lượng. **B.** Chế biến lâm sản.

**C.** Luyện kim màu. **D.** Sản xuất giấy, xenlulo.

**Câu 45:** Cho biểu đồ sau:

****

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA CAM-PU-CHIA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về xuất, nhập khẩu của Cam-pu-chia?

**A.** Tỉ trọng xuất khẩu giảm liên tục. **B.** Nhập siêu liên tục qua các năm.

**C.** Tỉ trọng nhập khẩu tăng liên tục. **D.** Tỉ trọng xuất khẩu tăng không liên tục.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có GDP bình quân đầu người từ 15 đến 18 triệu đồng?

**A.** Phú Yên. **B.** Khánh Hòa. **C.** Ninh Thuận. **D.** Bình Thuận.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết sông nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

**A.** Sông Bé.  **B.** Sông Tiền. **C.** Sông Hậu. **D.** Sông Ông Đốc.

**Câu 48**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông Tranh thuộc hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Mã. **B.** Sông Cả. **C.** Sông Thu Bồn . **D.** Sông Đồng Nai.

**Câu 49:** Vùng có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất nước ta là

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Duyên hải miền Trung.

**C.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.  **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 50:** Vùng Đông Nam Bộphát triển mạnh về

**A.** trồng cây chè.  **B.** trồng lúa gạo. **C.** khai thác dầu. **D.** khai thác than.

**Câu 51**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam trung Bộ và Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện Hàm Thuận- Đa Mi thuộc tỉnh nào của Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Quảng Nam. **B.** Bình Định.  **C.** Ninh Thuận. **D.** Bình Thuận.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Nghệ An. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Quảng Bình.  **D.** Quảng Trị.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 9 nối cửa khẩu Lao Bảo với nơi nào sau đây?

**A.** Đồng Hới. **B.** Đông Hà. **C.** Huế.  **D.** Vinh.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, hãy cho biết địa danh nào sau đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới?

**A.** Cần Giờ. **B.** Tràm Chim.

**C.** U Minh Thượng. **D.** Lò Gò – Xa Mát.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng Bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất?

**A.** Cẩm Phả. **B.** Hạ Long. **C.** Thái Nguyên. **D.** Việt Trì.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng của Đồng bằng Sông Cửu Long?

**A.** Long Xuyên.  **B.** Cần Thơ.

**C.** Kiên Lương.  **D.** Sóc Trăng.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào sau đây có mật độ dân số cao nhất?

**A.** Điện Biên.  **B.** Bắc Kạn. **C.** Cao Bằng. **D.** Thái Bình.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây của nước ta có đảo ?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Hưng Yên.  **C.** Hải Phòng. **D.** Bắc Ninh.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Phu Luông. **B.** Tam Đảo **C.** Pu Trà. **D.** Phanxipăng.

**Câu 60:**  Biện pháp mở rộng diện tích rừng sản xuất ở nước ta là

**A.** lập vườn quốc gia. **B.** tăng cường khai thác.

**C.** tích cực trồng mới. **D.** làm ruộng bậc thang.

**Câu 61:** Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

**A.** lở đất. **B.** trượt đất.  **C.** xói mòn.  **D.** cháy rừng.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm cao nhất ?

**A.** Đắc Nông. **B.** Lâm Đồng. **C.** Bình Thuận. **D.** Ninh Thuận.

**Câu 63:** Thành tựu quan trọng nhất của sản xuất lương thực ở nước ta trong những năm qua là

**A.** cơ cấu mùa vụ có nhiều thay đổi. **B.** diện tích và sản lượng tăng nhanh.

**C.** nhiều giống lúa mới được đưa vào sản xuất. **D.** đảm bảo nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

**Câu 64:** Khó khăn nào sau đây làm gián đoạn thời gian khai thác hải sản ở nước ta?

**A.** Nhiều bão, gió mùa Đông Bắc.  **B.** Nguồn lợi thủy sản bị suy giảm.

**C.** Địa hình bờ biển rất phức tạp.  **D.** Môi trường ven biển bị suy thoái.

**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay?

**A.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

**B.** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

**C.** Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.

**D.** Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

**Câu 66:** Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

**A.** Việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.

**B.** Thanh niên nông thôn đã ra thành thị tìm việc làm.

**C.** Chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.

**D.** Việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

**Câu 67:** Các huyện đảo của nước ta

**A.** nhiều nơi có nuôi trồng thủy sản. **B.** có ở tất cả các tỉnh nằm ven biển.

**C.** đều có diện tích và dân số rất lớn. **D.** đều phát triển mạnh công nghiệp.

**Câu 68:** Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lý nước ta là

**A.** tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.

**B.** nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.

**C.** thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.

**D.** thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.

**Câu 69:** Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới sự phát triển xã hội nước ta là

**A.** tăng thu nhập cho người dân. **B.** làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** tạo việc làm cho người lao động. **D.** gây sức ép đến môi trường đô thị.

**Câu 70:** Hướng nào sau đây là đúng để ngành bưu chính đạt trình độ hiện đại ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực?

**A.** tin học hóa và tự động hóa. **B.** tăng các hoạt động công ích.

**C.** đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. **D.** giảm số lượng lao động thủ công.

**Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.

**B.** thúc đẩy kinh tế hàng hóa, tạo việc làm, đa dạng hóa hàng xuất khẩu.

**C.** tạo ra cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, bảo vệ an ninh quốc phòng.

**D.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo việc làm, bảo vệ tài nguyên môi trường.

**Câu 72:** Số lượt khách du lịch của nước ta trong thời gian gần đây tăng lên chủ yếu do

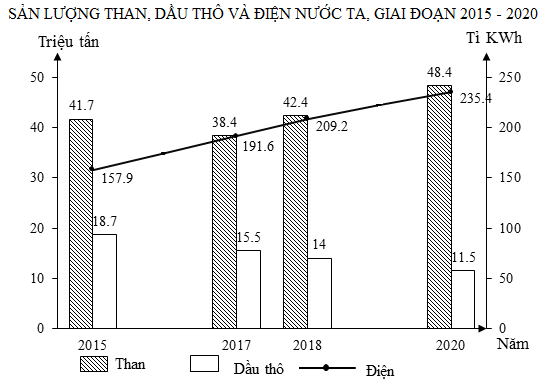
**A.** tài nguyên du lịch được phân loại, các cơ sở lưu trú được đầu tư xây dựng mới.

**B.** nâng cao trình độ lực lượng lao động, tăng cường mạng lưới giao thông vận tải.

**C.** thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài, hình thành nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp.

**D.** chất lượng cuộc sống được nâng cao, các hoạt động quảng bá được đẩy mạnh.

**Câu 73.** Cho biểu đồ:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu sản lượng than, dầu và điện ở nước ta, giai đoạn 2015-2020

**B.** Tốc độ tăng sản lượng than, dầu và điện ở nước ta, giai đoạn 2015-2020

**C.** Quy mô sản lượng than, dầu và điện ở nước ta, giai đoạn 2015-2020

**D.** Quy mô và cơ cấu sản lượng than, dầu và điện ở nước ta, giai đoạn 2015-2020

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

**A.** sử dụng hợp lí tài nguyên, phát triển kinh tế, tạo sản phẩm hàng hóa.

**B.** nâng cao trình độ của lao động, tạo ra việc làm, bảo vệ môi trường.

**C.** hạn chế nạn du canh, phân bố lại dân cư, chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

**D.** giải quyết việc làm, tạo tập quán mới, khai thác sự đa dạng tự nhiên.

**Câu 75:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

**B.** nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.

**C.** hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.

**D.** thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.

**Câu 76:** Đồng bằng sông Cửu Long cần phải đặt vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tài nguyên đất chủ yếu do

**A.** mực nước sông hạ thấp, mặt nước nuôi trồng thủy sản bị thu hẹp.

**B.** nguy cơ cháy rừng xảy ra nhiều nơi, đa dạng sinh học bị đe dọa.

**C.** nước xâm nhập sâu vào đất liền, độ chua và độ mặn trong đất tăng.

**D.** một số thiên tai xảy ra, diện tích đất phèn, đất mặn mở rộng thêm.

**Câu 77:** Vấn đề trọng tâm nhất trong phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** thích ứng với biến đổi khí hậu, bố trí cơ cấu mùa vụ hợp lí.

**B.** dùng giống cho năng suất cao, tăng cường hệ thống thủy lợi.

**C.** nâng cao trình độ của lao động, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.

**D.** phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ.

**Câu 78:** Ý nghĩa to lớn của việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

**A.** phát triển các thành phần kinh tế, gắn liền các lãnh thổ với nhau.

**B.** đẩy mạnh phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển các vùng.

**C.** tạo ra cơ cấu ngành, tạo thế liên hoàn phát triển cơ cấu lãnh thổ.

**D.** phát triển cơ cấu lãnh thổ, tăng cường cơ cấu thành phần kinh tế.

**Câu 79:** Địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

**A**. sóng biển, thủy triều, sông ngòi và hoạt động kiến tạo.

**B.** sóng biển, thủy triều, độ mặn của biển và thềm lục địa.

**C.** các vùng núi giáp biển và vận động nâng lên, hạ xuống.

**D.** thủy triều, độ mặn nước biển và các dãy núi ra sát biển.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY HÀNG NĂM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Cây lương thực có hạt** | **Cây công nghiệp hàng năm** | **Cây hàng năm khác** |
| 2010 | 11214,3 | 8615,9 | 797,6 | 1800,8 |
| 2020 | 10871,4 | 8222,5 | 458,0 | 2190,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây hàng năm của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Đường.

**CẤU TRÚC ĐỀ ÔN TẬP**

**1. Cấu trúc đề.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số câu** |
| **Địa lí tự nhiên** | 2 | 1 | 0 | 1 | 4 |
| **Địa lí dân cư** | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 |
| **Địa lý các ngành kinh tế** | 2 | 4 | 1 | 0 | 7 |
| **Địa lí các vùng kinh tế** | 1 | 1 | 4 | 2 | 8 |
| **Thực hành kĩ năng địa lí** | 15 | 2 | 1 | 1 | 19 |
| **Tổng số câu** | 20 | 10 | 6 | 4 | 40 |
| **Tỉ lệ %** | **50%** | **25%** | **15%** | **10%** | **100%** |

**2. Nhận xét đề.**

**- Nội dung kiến thức:** Nằm chủ yếu trong chương trình địa lý lớp 12, có 2 câu kĩ năng biểu đồ, bảng số liệu lớp 11 (thuộc bài Đông Nam Á).

**- Hình thức:**

+ Đề soạn bám bám đề minh họa của Bộ Giáo Dục.

+ Bám sát sách giáo khoa, chương trình Địa lý 12.

+ Bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng.

**- Cấp độ nhận thức:** nhận biết 50%, thông hiểu 25%, vận dụng 15 %, vận dụng cao 10%.

**- Cấu trúc đề:**

+ Đề thi có 75% câu hỏi thuộc mức độ nhận biết và thông hiểu.

+ 25% vận dụng và vận dung cao.

+ Trong đó 15 câu hỏi kĩ năng Atlat.

+ 2 câu biểu đồ và 2 câu bảng số liệu.

**ĐÁP ÁN ĐỀ ÔN TẬP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41** | **42** | **43** | **44** | **45** | **46** | **47** | **48** | **49** | **50** |
| **B** | **B** | **C** | **A** | **B** | **B** | **A** | **C** | **C** | **C** |
| **51** | **52** | **53** | **54** | **55** | **56** | **57** | **58** | **59** | **60** |
| **D** | **C** | **B** | **A** | **B** | **B** | **D** | **C** | **B** | **C** |
| **61** | **62** | **63** | **64** | **65** | **66** | **67** | **68** | **69** | **70** |
| **D** | **B** | **D** | **A** | **A** | **D** | **A** | **C** | **C** | **A** |
| **71** | **72** | **73** | **74** | **75** | **76** | **77** | **78** | **79** | **80** |
| **C** | **D** | **C** | **A** | **C** | **C** | **D** | **C** | **A** | **B** |

**GIẢI CHI TIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **GIẢI THÍCH** |
| **41** | **B** | Giải thích: Quan sát bảng số liệu đồng thời lấy giá trị năm 2020 chia giá trị năm 2015 sau đó nhân 100 của từng nước.  In-đô-nê-xi-a tăng 77 % suy ra giảm 23%  Thái lan tăng 95 % suy ra giảm 5% |
| **42** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **43** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **44** | **A** |  |
| **45** | **B** | Quan sát biểu đồ nhận thấy tỉ lệ nhập khẩu đều lớn hơn tỉ lệ xuất khẩu qua các năm nên Cam-pu- chia nhập siêu liên tục qua các năm. |
| **46** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **47** | **A** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **48** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **49** | **C** | Kiến thức bài 26: Cơ cấu ngành công nghiệp – tr 114  Vùng có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất nước ta là đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận. |
| **50** | **C** | Giải thích:  Kiến thức bài 39: Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ - tr 178 |
| **51** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **52** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **53** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **54** | **A** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **55** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **56** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **57** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **58** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **59** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **60** | **C** | Giải thích:  Kiến thức bài 14: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên – tr 59 |
| **61** | **D** | Giải thích:  Kiến thức bài 15: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai - tr 64 |
| **62** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam |
| **63** | **D** | Kiến thức bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp – tr94  Việt Nam từ chỗ sản xuất không đảm bảo đủ nhu cầu lương thực trong nước, hiện nay đã đảm bảo nhu cầu trong nước và trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu TG. |
| **64** | **A** | Kiến thức bài 24: Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp – tr 101  Khó khăn nào sau đây làm gián đoạn thời gian khai thác hải sản ở nước ta là nhiều bão, gió mùa Đông Bắc gây thiệt hại về người và tài sản ngư dân, hạn chế số ngày ra khơi |
| **65** | **A** | Kiến thức bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế - tr 85  Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay là hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế. |
| **66** | **D** | Kiến thức bài 17: Lao động, việc làm - tr76  Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ:việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn, đặc biệt là chú trọng các ngành/nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp… |
| **67** | **A** | Kiến thức bài 42: Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo  Các huyện đảo của nước ta nhiều nơi có nuôi trồng thủy sản.  - Loại B: có ở tất cả  - Loại C: đều có  - Loại D: đều phát triển |
| **68** | **C** | Kiến thức bài 2: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ - tr 17  Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lý nước ta là thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.  - Loại A: là ý nghĩa về tự nhiên  - Loại B: là ý nghĩa về tự nhiên  - Loại D: là ý nghĩa về văn hóa |
| **69** | **C** | Kiến thức bài 18: Đô thị hóa – tr 79  Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới sự phát triển xã hội nước ta là tạo việc làm cho người lao động. |
| **70** | **A** | - Kiến thức bài 30: Vấn đề phát triển ngành GTVT và TTLL – SGK tr 134  Hướng phát triển chủ đạo của ngành bưu chính trong thời gian tới là: **cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa** nhằm đạt trình độ hiện đại ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực. |
| **71** | **C** | - Kiến thức bài 32: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ  Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo ra cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, bảo vệ an ninh quốc phòng.  - Về kinh tế: TDMNBB có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nhưng mới chỉ được khai thác một phần. Việc phát huy thế mạnh của vùng sẽ góp phần khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giúp nâng cao vị thế của vùng trong nền kinh tế cả nước.  - Về chính trị - xã hội: Là nơi cư trú của hầu hết đồng bào dân tộc ít người nên phát huy thế mạnh kinh tế sẽ góp phần cải thiện đời sống người dân, củng cố an ninh quốc phòng của vùng. |
| **72** | **D** | - Kiến thức bài 31: Vấn đề phát triển thương mại, du lịch.  Số lượt khách du lịch của nước ta trong thời gian gần đây tăng lên chủ yếu do: chất lượng cuộc sống được nâng cao dẫn đến nhu cầu du lịch tăng (khách nội địa là chủ yếu), các hoạt động quảng bá được đẩy mạnh sẽ kích thích nhu cầu du khách cả trong nước và ngoài nước.  - Loại A: tài nguyên du lịch được phân loại sẽ tạo sự đa dạng về du lịch  - Loại B: nâng cao trình độ lực lượng lao động không ảnh hưởng nhiều đến số lượt khách  - Loại C: thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài đúng với ngành công nghiệp hơn |
| **73** | **C** | Biểu đồ kết hợp, đơn vị là triệu tấn và tỉ Kwh nên là đáp án C  - Loại A: Cơ cấu là Biểu đồ tròn hoặc miền  - Loại B: Tốc độ tăng trưởng là Biểu đồ đường  - Loại D: Quy mô và cơ cấu là Biểu đồ tròn |
| **74** | **A** | Kiến thức bài 37 – Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên  Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là  sử dụng hợp lí tài nguyên đất, khí hậu, nước…thuận lợi trồng các cây công nghiệp lâu năm, hình thành các vùng chuyên canh với quy mô lớn sẽ tạo nhiều sản phẩm hàng hóa trên thị trường và góp phần đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.  - Loại B: nâng cao trình độ của lao động không phải là ý ngĩa chủ yếu.  - Loại C: phân bố lại dân cư, chuyển đổi cơ cấu kinh tế không phải là ý ngĩa chủ yếu.  - Loại D: giải quyết việc làm, khai thác sự đa dạng tự nhiên không phải là ý ngĩa chủ yếu. |
| **75** | **C** | Kiến thức bài 27 – Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở DH Nam Trung Bộ- tr 163   - Loại A: khai thác mới tài nguyên.  - Loại B: nâng cao trình độ người lao động  - Loại D: thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.  - Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm như các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, thể thao trên biển, lặn.... |
| **76** | **C** | Kiến thức bài 41: Đồng bằng sông Cửu Long – Tr 187  Đồng bằng Sông Cửu Long cần phải đặt vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tài nguyên đất chủ yếu là do mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau dẫn đến nước xâm nhập sâu vào đất liền, độ chua và độ mặn trong đất tăng. Vì vậy việc sử dụng hợp lí và cải tạo đất trở thành vấn đề quan trọng nhằm biến Đồng bằng sông Cửu Long trở thành một khu vực kinh tế quan trọng của đất nước trên cơ sở phát triển bền vững. |
| **77** | **D** | Kiến thức bài 33 – Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐBSH  Chú ý từ khóa: nông nghiệp hàng hóa  => Nói đến phát triển nông nghiệp hàng hóa thì thị trường luôn là vấn đề cần được quan tâm hàng đầu. Phát triển công nghiệp chế biến nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp,  => Do vậy, để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở đồng bằng sông Hồng, vấn đề trọng tâm nhất hiện nay là phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường. |
| **78** | **C** | Giải thích: Bài 35 - SGK tr 156  Địa hình vùng BTB có sự phân hóa rõ rệt từ Tây sang Đông gồm: núi- đồi chuyển tiếp – đồng bằng. Mỗi vùng có thế mạnh riêng => phát triển cơ cấu nông - lâm-ngư nghiệp vừa tạo thế liên hoàn trong phát triển kinh tế vừa phát triển cơ cấu ngành đa dạng => đem lại hiệu quả kinh tế cao => hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng. |
| **79** | **A** | Giải thích: Liên hệ kiến thức lớp 10: Địa hình là kết quả tác động đồng thời của nội lực và ngoại lực  Địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của sóng biển, thuỷ triều, sông ngòi (ngoại lực) và hoạt động kiến tạo (nội lực) .  Sóng biển vỗ tạo nên các dạng bờ biển mài mòn, sông ngòi hình thành nên các cửa sông, hoạt động kiến tạo khiến địa hình bờ biển bị đứt gãy, nâng lên hạ xuống tạo thành các vùng vịnh, hòn đảo ven bờ... |
| **80** | **B** | Giải thích: Từ khóa “ quy mô và cơ cấu”, bảng số liệu 2 năm suy ra biểu đồ thích hợp là Tròn |

**----------- HẾT ----------**